

Đôi nét về tín ngưỡng dân gian của cư dân Cửa Vạn, Vòng Viêng - vịnh Hạ Long - Quảng Ninh

HOÀNG THỊ HỒNG HÀ*

Nằm ở vùng Đông Bắc Việt Nam thuộc tỉnh Quảng Ninh, vịnh Hạ Long từ lâu đã nổi tiếng bởi sự kết hợp hài hòa giữa hàng ngàn đảo đá với mây, trời, non nước. Năm 1962, vịnh Hạ Long đã được Bộ Văn hóa thông tin Việt Nam xếp hạng Di tích danh thắng cấp quốc gia. Vào các năm 1994 và 2000, tổ chức Văn hóa, Khoa học và Giáo dục của Liên hợp quốc (UNESCO) đã ghi nhận hai giá trị ngoại hạng mang tính chất toàn cầu về cảnh quan và địa chất địa mạo của vịnh Hạ Long và đưa vào danh mục Di sản thiên nhiên thế giới.

Từ đầu thế kỷ 19, người ta đã thấy sự có mặt của ngư dân Giang Vĩng, Trúc Vĩng trên vịnh Hạ Long mà hậu duệ của họ là những dân chài sống trong các làng nổi Vòng Viêng, Cửa Vạn ngày nay. Họ lách thuyền, bè làm nhà và chọn vịnh làm quê hương. Xưa, làng Giang Vĩng thuộc tổng An Khoái, huyện Hoàn Bô, phủ Hải Đông, trấn An Quảng; còn làng Trúc Vĩng thuộc tổng Vạn Yên, huyện Hoàn Bô.

Khi không đi đánh cá hoặc có hội làng, họ thường đỗ thuyền ven chân đảo Sa Tô, xã Thành Công (nay là phố Thành Công thuộc phường Cao Xanh, Sa Tô giờ không còn là đảo nữa). Dân hai làng tuy sống trên thuyền, dưới biển nhưng đều có đình làng riêng trên đất liền, hàng năm có tổ chức lễ hội lớn.

Làng chài Cửa Vạn là tên do dân làng tự đặt ra, có nghĩa là làng sinh sống ở cửa biển. Trên thực tế, Cửa Vạn nằm án ngữ ở phía Tây Nam vịnh, thuộc khu vực bảo vệ tuyệt đối của Di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long, cách thành phố Hạ Long khoảng 30 km. Làng chài Vòng Viêng nằm phía Đông Bắc. Dân làng chài Vòng Viêng còn lưu lại một truyền thuyết. Từ xa xưa, trên con đường vận chuyển buôn bán từ xứ Cát Hải, Cát Bà đến thương cảng Vân Đồn rồi qua Trung Quốc, thường các tàu thuyền hay gặp sóng to gió lớn. Vì vậy mà mọi thứ trên tàu, thuyền đều bị hất cả xuống biển, cơm nấu không chín. Do đó, mọi người gọi

* Hoàng Thị Hồng Hà, Khoa Khoa học Xã hội- Trường Đại học Hải Phòng

vùng này là Vung Vênh (Nấp nổi bị hở, nấu cơm không chín). Sau đó có người đi biển giỏi đã tìm ra một vụng kín gió lặng sóng để ghé tàu thuyền nghỉ ngơi nấu ăn. Để ghi nhớ người có công tìm ghé ra nơi đỗ thuận tiện này mọi người đã gọi vụng biển này là Vông Viêng thay cho Vung Vênh trước đây

Trong chiến tranh chống Pháp, ngư dân hai làng Giang, Trúc tản ra cư trú rải rác ở các vụng đảo kín sóng gió trên vịnh Hạ Long và Bái Tử Long. Sau ngày giải phóng vùng mở 25/4/1955, phần lớn bà con trở về tụ cư ổn định trên vịnh Hạ Long và dần hình thành nên các làng chài, trong đó Cửa Vạn nằm trong vụng Tùng Sáu là lớn nhất. Năm 1963 chính thức thành lập thôn Cửa Vạn có diện tích khoảng 22ha, dân số là 127 hộ với 600 nhân khẩu. Làng Vông Viêng ít hơn, chỉ gần 100 gia đình. Có gia đình gồm ba thế hệ vẫn đang còn sinh sống và làm nghề chài lưới trên vịnh Hạ Long. Dù có tên hành chính mới là “khu” nhưng những từ “thôn”, “làng” hay “làng chài” vẫn được người dân địa phương và du khách quen gọi. Hiện nay, cả hai làng đều trực thuộc phường Hùng Thắng.

Giữa biển cả mênh mông thơ mộng và huyền bí, những người dân chài chất phác đã tự thích nghi và tìm ra cách ứng xử hài hòa với tự nhiên bằng vốn tri thức dân gian phong phú về biển, bằng nền tảng của quan hệ cộng đồng. Họ nương tựa vào nhau, tình thân gia đình khăng khít, có khi cả dãy nhà, thuyền đỗ liền kề đều là

họ hàng.

Ngư dân hoạt động chủ yếu trên môi trường sông nước, biển khơi, thường hay gặp rủi ro, hoạn nạn. Do vậy, từ lâu đã hình thành nên những phong tục tín ngưỡng mang đặc thù riêng. Có thể kể ra một số loại hình tín ngưỡng cơ bản sau:

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên: Dù cuộc sống thuyền bè lênh dênh, chạt chội nhưng mỗi nhà ngư dân trên vịnh Hạ Long đều có một ban thờ tổ tiên riêng đặt ở nơi trang trọng nhất, thường là gian giữa. Họ quan niệm đó là không gian thiêng, là nơi tổ tiên “đi về”. Khách đến nhà chơi, đặc biệt là phụ nữ không được ngồi giữa cửa vì chủ nhà cho rằng như vậy có thể làm uế tạp nơi tôn nghiêm. Đàn bà vừa sinh nở hay người vừa có tang cũng không được vào nhà. Muốn vào phải mời thầy cúng về làm lễ giải.

Điều quan trọng hàng đầu trên bàn thờ tổ tiên là việc xác lập linh vị theo triết lý năm đời thờ cúng. Tự mình là con tính ngược lên bốn đời. Dân chài trước đây không mấy người biết chữ nên họ truyền miệng nhau tên tuổi người đã khuất, mỗi người được lập một bát hương. Bát hương như là gia phả của gia đình, dòng họ mình để thờ cúng và tưởng nhớ. Những dòng họ lớn như họ Nguyễn, họ Đỗ, họ Dương trong làng còn thờ tự đến bảy đời. Chi trưởng nam đời đời giữ hương hỏa, có quyền cầm những vật thiêng của dòng họ. Theo luật tục, gia đình thờ tự từ năm đời trở lên đều có tượng bằng đất hoặc gỗ cùng với ảnh thờ.

Mỗi họ còn giữ những vật thờ của riêng dòng họ mình như dấu Ngọc Hoàng, dấu Hải Thượng Lão Quân, dấu Ngũ Hồ, dấu Đệ Nhị Ngọc Hoàng, dấu Cộng Đồng, kiếm thờ 7 chấu, kiếm thờ 9 chấu. Các đồ thờ tự được xem như là một trật tự hành chính của thế giới người âm. Con cháu muốn cầu xin điều gì phải được sự thông qua của những cấp bậc đó. Những mong muốn của con cháu, dòng họ được viết vào một tờ giấy (tương tự như tờ số của người Việt trên đất liền), sau khi thầy Đồng làm lễ xong, đóng dấu vào tờ giấy đó rồi xin quẻ âm dương. Cuối cùng, con cháu đem hóa với hy vọng những ý nguyện của mình được sự ủng hộ của ông bà, tổ tiên nơi chín suối.

Bên cạnh đó, mỗi dòng họ cũng có riêng một thầy cúng, còn gọi là thầy Đồng. Thầy Đồng phải là người có căn số, bản mệnh phù hợp với sự tính toán của cả dòng họ, đặc biệt coi trọng yếu tố giờ sinh. Đây là người chuyên chịu trách nhiệm lễ bái cho mọi người trong những dịp quan trọng.

Tục thờ cúng tổ tiên của ngư dân về cơ bản giống người Việt trên đất liền, bao gồm một số nghi thức như tục đốt hương, tục cầu cúng lễ, chăm sóc phần mộ tổ tiên.

Thờ cúng tổ tiên là một cách để người dân vạn chài cân bằng đời sống tinh thần. Đồng thời, tín ngưỡng trên cũng thể hiện sâu sắc đạo lý "uống nước nhớ nguồn" của dân tộc. Nó trở thành một chuẩn mực khuôn mẫu ứng xử của con người.

Tín ngưỡng thờ thần: Đây là một tín ngưỡng rất độc đáo của đại đa số cư dân.

Nó xuất phát từ lòng tin là xung quanh người sống, cùng với thế giới hiện hữu của chúng ta, có một thế giới vô hình, ở đó các thần linh khắp mọi nơi đều dõi theo và phù trợ cho người sống.

Người dân vạn chài Hạ Long tin thờ thủy thần. Trước biển cả đầy huyền bí và bất trắc, con người cầu nguyện sự che chở của thần biển và họ gọi giản dị là ông Sông bà Bể. Khi có việc cưới hỏi, tang ma, đánh bắt, lúc ốm đau... họ đều làm lễ cúng thủy thần để mong được bình an, may mắn. Cha ông họ, ngư dân làng Giang Vông - Trúc Vông xưa có đình làng trên đất liền. Vào các ngày lễ hội lớn trong năm không thể thiếu lễ cúng thủy thần với tục rước nước và hội thi bơi chải. Rải rác trên vịnh Hạ Long còn có một số miếu nhỏ thờ thủy thần do ngư dân lập nên.

Bên cạnh đó, mọi người còn thờ cúng nhân thần. Đó là các vị tướng nhà Trần như Trần Hưng Đạo, Trần Quốc Nghiễn...hay các ông Hoàng Ba, Hoàng Bảy trong truyền thuyết hoặc đôi khi là những người dân thường. Các đền miếu thờ tự được lập ở trên và ven bờ vịnh Hạ Long. Bà con tin rằng các vị nhân thần có thể hiển linh ứng cứu giúp dân làng vượt qua họa nạn, phong ba.

Tục thờ Quan Âm Nam Hải: ở nước ta, việc thờ Quan Âm đã có từ lâu. Song hình thái thờ Quan Âm Nam Hải mới chỉ ra đời từ thế kỷ 16. Tích truyện được dẫn sớm nhất về Quan Âm Nam Hải vốn xuất phát từ một vị tăng đời Nguyên bên Trung Hoa. Tích truyện này được lưu truyền

trên đất Việt kể từ khoảng cuối thế kỷ 14 hay 15 và rồi được Việt hóa. Theo dị bản Việt hóa thì Quan Âm Nam Hải vốn là công chúa Diệu Thiện, con thứ ba của vua Diệu Trang. Nàng từ bỏ cuộc sống xa hoa của cung đình vượt qua mọi trở ngại của vua cha, cương quyết tu hành Phật pháp tại chùa Hương Tích và chứng quả tại đó. Sự tích này được hình thành ở nước ta vào thế kỷ nào chưa rõ. Có điều là tượng thờ Quan Âm Nam Hải mới xuất hiện từ khoảng nửa cuối thế kỷ 16 mà thôi.

Theo Phật pháp, hàm nghĩa của khái niệm Quan Thế Âm (Avalokitecvara) là nghe tiếng kêu của cuộc đời để tới giúp đỡ. Vị Quan Âm có thể hóa thành muôn nghìn thân để cứu vớt thế nhân trong muôn nghìn trường hợp. Nam Hải là từ chỉ địa danh, có nghĩa là biển phương Nam. Quan Âm Nam Hải ra đời vốn cầu mong cho các thương thuyền ở phương Nam được thuận buồm xuôi gió. Cuộc sống lênh đênh nơi biển cả, phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên khiến người ngư dân trên vịnh đều tôn thờ Quan Âm Nam Hải. Họ lập bàn thờ bên cạnh bàn thờ tổ tiên để cầu cúng, mong được Người chở che.

Một số hình thức tín ngưỡng liên quan đến con thuyền: Sống trên môi trường sông nước lênh đênh nên thuyền bè đồng thời là phương tiện đi lại và cũng là nơi trú ngụ của ngư dân. Con thuyền với ngư dân là nơi gửi gắm những hy vọng cho sự bình an, may mắn, tôm cá đầy khoang. Họ làm lễ Phật Mộc khi đóng thuyền mới để mong sẽ có được một con thuyền tốt và

quá trình đóng thuyền diễn ra thuận lợi, an toàn. Khi hoàn tất công việc đóng thuyền và chuẩn bị đưa vào sử dụng, chủ thuyền lại làm lễ Hạ Thủy như lời nhắn gửi đến thần biển về sự xuất hiện của con thuyền mới và cầu được đi về may mắn, bình an.

Vào dịp đầu năm mới, người ta chọn một ngày tốt để làm lễ Giở Mũi Thuyền, cầu mong mùa vụ bội thu. Lễ Giở Mũi Thuyền có ý nghĩa gần giống với việc chọn hướng xuất hành đầu năm của người dân đất liền. Theo chỉ dẫn của thầy cúng, chủ nhà chọn một hướng xuất hành phù hợp với tuổi của mình và cởi dây buộc mũi thuyền rồi cho thuyền rời bến. Khi đi phải chú ý xem có thuyền nào chắn ngang hướng thuyền mình hay không, nếu có thì dừng lại đợi thuyền kia đi qua rồi mới xuất bến vì cho rằng, nếu xuất hành đầu năm mà bị chắn ngang hướng đi thì cả năm sẽ không may mắn. Đi được một đoạn họ cho thuyền quay lại, gọi là Giở Mũi Thuyền.

Lễ hội: Lễ hội là một sinh hoạt cộng đồng không thể thiếu trong đời sống tinh thần của người dân nơi đây. Lễ hội lớn nhất trong năm là lễ hội Bơi chải diễn ra trong hai ngày 19 và 20/1 âm lịch hằng năm. Mục đích là khai xuân đầu năm, phục vụ cho nghề đi biển.

Việc chuẩn bị và cách tổ chức hội bơi chải khá công phu. Theo quy định, mỗi làng được chọn một thuyền. Thuyền dự hội được đóng xong từ 2-3 tháng trước, kiểu thuyền rồng, có trang trí chân kim.

Cái nào cũng cứng cáp, chắc chắn như thách thức với sóng nước mênh mông. Mỗi thuyền có 12 mái chèo, mỗi mái chèo dài 5m và mái chèo lái dài 10m. Mỗi làng chọn cử thợ cầm lái và 12 trai làng (còn gọi là tạo) khỏe mạnh, hiền hòa, có kinh nghiệm, kỹ thuật chèo thuyền, trang phục gọn gàng, đầu chít khăn đỏ, mặc áo nâu đỏ, tay cầm cờ đỏ, sẵn sàng xung trận.

Khởi đầu cho lễ hội là nghi thức rước nước về miếu Cậu Vàng. Sau đó, làng tiến hành lễ bắt thăm để chọn vị trí đường đua cho các chài. Trên từng lá thăm có ghi sẵn vị trí tiến hành như: nhất đông, nhất tây, giữa thứ...Giáp nào bắt được thẻ chỉ vị trí nào thì nhất nhất y lệnh. Một quy định bất buộc khác đặt ra là người tham gia trong các đội bơi chài phải trong sạch, không vướng tang trở, liền trong một tuần trước khi thi đấu phải ăn ở tập trung, tuyệt đối không dùng rượu, thịt, cá, chỉ được ăn đồ chay mà thôi.

Kết thúc phần nghi lễ thiêng liêng, vào đúng giờ Ngọ, dứt tiếng trống lệnh của vị tiên chỉ, cuộc đua tranh quyết liệt mới bắt đầu. Người trong làng tự hào gọi đây là "thủy mã đấu trạo"- đua ngựa trên nước. Tiếng reo hò của người xem vang dội khiến các tay đua càng thêm phấn khích. Mỗi thuyền phải đi ba vòng đi và ba vòng về. Vị trí đích có cọc tre cắm giới hạn (còn gọi là cắm vè). Thuyền nào dù sáu vòng, nhỏ về trước là thắng cuộc.

Có thể nói, giữa biển cả mênh mông thơ mộng và huyền bí, những người dân chài Hạ Long chất phác đã tự thích nghi

và tìm ra cách ứng xử hài hòa với tự nhiên bằng vốn tri thức dân gian phong phú về biển, bằng nền tảng của quan hệ cộng đồng. Cuộc sống sinh hoạt, sản xuất đặc thù của cộng đồng ngư dân sống thủy cư trong lòng Di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long đã sản sinh ra những giá trị văn hóa phi vật thể độc đáo, mang đậm dấu ấn biển, thu hút không chỉ sự quan tâm của giới nghiên cứu khoa học mà còn hấp dẫn du khách gần xa.

Đôi nét về tín ngưỡng của người dân Vạn Chài Hạ Long có thể giúp chúng ta hiểu được phần nào con người và cuộc sống nơi đây. Mặc dù phải đối mặt với nhiều thách thức lớn trong bối cảnh kinh tế xã hội hiện nay, những giá trị văn hóa tinh thần của ngư dân Hạ Long nói chung và cư dân Cửa Vạn, Vòng Viêng vẫn đang được gìn giữ, khôi phục và phát huy với sức sống mạnh mẽ, âm ỉ như một mạch ngầm xuyên suốt./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Lâm Biền, (2000) *Một con đường tiếp cận lịch sử*, NXB Văn hóa dân tộc.
2. Đỗ Hạ - Quang Vinh, (2005), *Những lễ hội truyền thống Việt Nam*, NXB Thanh Hóa.
3. Phạm Xuân Nam, (2008), *Sự đa dạng văn hóa và đối thoại giữa các nền văn hóa một góc nhìn từ Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội.
4. Ngô Đức Thịnh (chủ biên), (2001) *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội.
5. Ngô Đức Thịnh, (2004), *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam*, NXB Trẻ.